

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Đồng Thị Nhất và anh Hoàng Văn Tình.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đồng Thị N và anh Hoàng Văn T thuận tình ly hôn.

- **Về nuôi con sau khi ly hôn:** Chị Đồng Thị N và anh Hoàng Văn T có hai con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Quỳnh H, sinh ngày 14/11/2010 và

Hoàng Thị Lệ T, sinh ngày 23/8/2013. Chị Đồng Thị N và anh Hoàng Văn T thỏa thuận về nuôi con sau khi ly hôn như sau:

**Giao cho chị Đồng Thị N** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả **hai** con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Quỳnh H, và Hoàng Thị Lệ T cho đến khi **cháu H, cháu T** thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

**Anh Hoàng Văn T** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với **chị N**. **Chị N** có quyền yêu cầu **anh T** cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

**- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung:** Chị Đồng Thị N và anh Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Đồng Thị N và anh Hoàng Văn T mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị là để chị N nộp toàn bộ số tiền án phí mà anh T phải nộp. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị N phải nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: **AA/2016/0000612 ngày 09/3/2021** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Chị N được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh);
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THADS huyện Than Uyên;
- **UBND xã T, huyện V, tỉnh Y,**
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Quàng Thị Phương**